

Số: **8060**/BKHDĐT-TCTK

Hà Nội, ngày **03** tháng **10** năm 2024

V/v xin ý kiến dự thảo Thông tư
Hướng dẫn quy trình biên soạn
chỉ tiêu GDP, GRDP

Kính gửi:

Ngày 07/11/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 94/2022/NĐ-CP quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP). Ngày 07/6/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP. Theo đó, Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện quy trình biên soạn chỉ tiêu GDP, GRDP và rà soát, đánh giá lại quy mô GDP, GRDP.

Thực hiện nhiệm vụ trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã dự thảo Thông tư Hướng dẫn quy trình biên soạn chỉ tiêu GDP, GRDP. Để hoàn thiện dự thảo Thông tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý Cơ quan nghiên cứu và có ý kiến chính thức bằng văn bản đối với các tài liệu gửi kèm (*Gồm dự thảo Thông tư và 04 Phụ lục*).

Văn bản góp ý xin gửi về Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia, Tổng cục Thống kê (số 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội), đồng thời qua địa chỉ email: taikhoanquocgia@gso.gov.vn hoặc Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc (Eoffice) **trước ngày 20/10/2024**.

Thông tin chi tiết đề nghị liên hệ chị Nguyễn Thị Ngân, Thống kê viên, Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia, số điện thoại 0247.304.6666 (máy lẻ 1118), di động: 0965.925.969, email: ngannt@gso.gov.vn.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư rất mong nhận được sự phối hợp của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCTK. **38**

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/TT-BKHĐT Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

THÔNG TƯ

Hướng dẫn quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Căn cứ Luật Thống kê số 89/2015/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật số 01/2021/QH15 ngày 12 tháng 11 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ Quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 ngày 10 tháng 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn chi tiết nội dung của quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành

phổ trực thuộc trung ương (GRDP) gồm: Thu thập thông tin đầu vào phục vụ biên soạn số liệu GDP, GRDP; Tính các chỉ tiêu phục vụ biên soạn số liệu GDP, GRDP; Biên soạn số liệu GDP, GRDP; Rà soát, đánh giá lại quy mô GDP, GRDP; Công bố, phổ biến số liệu GDP, GRDP; Lưu trữ số liệu GDP, GRDP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (viết gọn là Bộ, ngành);
2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (viết gọn là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);
3. Tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước bao gồm: Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Than, Khoáng sản Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp - Viễn Thông quân đội Viettel, Tổng công ty Viễn thông Mobiphone, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Tổng công ty Hàng không Việt Nam, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam;
4. Tổng cục Thống kê; Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin phục vụ biên soạn số liệu GDP, GRDP.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong phạm vi Thông tư này, các từ ngữ được hiểu như sau:

1. *Giá trị sản xuất*: Là toàn bộ giá trị sản phẩm vật chất và sản phẩm dịch vụ do các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc tất cả các ngành kinh tế tạo ra trong một thời kỳ nhất định. Giá trị sản xuất bao gồm chi phí trung gian và giá trị tăng thêm.
2. *Chi phí trung gian*: Là toàn bộ chi phí về sản phẩm vật chất và sản phẩm dịch vụ được sử dụng hết trong quá trình sản xuất, kinh doanh để tạo ra sản phẩm mới trong một thời kỳ nhất định. Chi phí trung gian không bao gồm khấu hao/hao mòn tài sản cố định.
3. *Hệ số chi phí trung gian*: Là tỷ lệ giữa chi phí trung gian so với giá trị sản xuất. Hệ số chi phí trung gian được lập cho cả nước; vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, vùng Tây nguyên, vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long; Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là hệ số chi phí trung gian vùng).
4. *Giá trị tăng thêm*: Là giá trị sản phẩm vật chất và sản phẩm dịch vụ cuối cùng được tạo ra của nền kinh tế trong một khoảng thời gian nhất định. Giá trị tăng thêm bằng hiệu số giữa giá trị sản xuất và chi phí trung gian.

5. *Giá hiện hành*: Là giá dùng trong giao dịch của năm báo cáo. Giá hiện hành phản ánh giá trị trên thị trường của sản phẩm vật chất, dịch vụ, tài sản chuyển từ quá trình sản xuất, lưu thông, phân phối tới sử dụng cuối cùng đồng thời với sự vận động của tiền tệ, tài chính và thanh toán.

6. *Giá so sánh*: Là giá hiện hành của năm được chọn làm năm gốc. Giá so sánh để nghiên cứu thay đổi thuần về khối lượng và loại trừ sự biến động của yếu tố giá.

Điều 4. Phân tổ, kỳ biên soạn số liệu GDP, GRDP

1. Phân tổ số liệu GDP, GRDP

a) Số liệu GDP theo ngành kinh tế, mục đích sử dụng được biên soạn tại kỳ ước tính, sơ bộ, chính thức quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm.

b) Số liệu GRDP theo ngành kinh tế được biên soạn tại kỳ ước tính, sơ bộ, chính thức quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm.

c) Số liệu GDP, GRDP theo loại hình kinh tế được biên soạn tại kỳ chính thức cả năm.

2. Kỳ biên soạn số liệu GDP, GRDP

a) Kỳ quý I năm báo cáo: Ước tính quý I của năm báo cáo, sơ bộ quý IV của năm trước năm báo cáo.

b) Kỳ quý II và 6 tháng năm báo cáo

- Ước tính quý II, 6 tháng và sơ bộ quý I của năm báo cáo.

- Ước tính cả năm lần 1 của năm báo cáo.

c) Kỳ quý III và 9 tháng năm báo cáo

- Ước tính quý III, 9 tháng và sơ bộ quý I, quý II và 6 tháng năm báo cáo.

- Chính thức cả năm và các quý của năm thứ hai liền trước năm báo cáo.

- Sơ bộ cả năm và các quý của năm trước năm báo cáo.

d) Kỳ quý IV và cả năm báo cáo: Ước tính quý IV, cả năm; sơ bộ quý III và 9 tháng năm báo cáo.

3. Số liệu cùng kỳ để tính tốc độ tăng GDP, GRDP: Sử dụng số liệu sơ bộ cùng kỳ năm trước năm báo cáo tại kỳ sơ bộ liền kề với kỳ báo cáo.

Điều 5. Thu thập thông tin đầu vào phục vụ biên soạn GDP, GRDP

1. Tổng cục Thống kê trực tiếp thu thập, xử lý, tổng hợp thông tin từ các cuộc điều tra thống kê thuộc Chương trình Điều tra thống kê quốc gia do Tổng cục Thống kê chủ trì thực hiện.

2. Tổng cục Thống kê tổng hợp thông tin từ Bộ, ngành; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; Tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước; dữ liệu hành chính; chế độ báo cáo thống kê Ngành thống kê (áp dụng cho Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).

a) Thông tin từ Bộ, ngành

- Nguồn thông tin: Biểu mẫu báo cáo quy định tại Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (áp dụng cho Bộ, ngành).

- Nội dung thu thập thông tin:

- + Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước.
 - + Một số chỉ tiêu về tài chính, tiền tệ, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán.
 - + Một số chỉ tiêu về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản.
 - + Kế hoạch sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản chủ yếu.
 - + Một số chỉ tiêu về lĩnh vực thông tin và truyền thông.
 - + Kế hoạch và thực hiện vốn đầu tư công do Bộ, ngành sử dụng.
 - + Năng lực mới tăng của các dự án/công trình hoàn thành trong năm.
 - + Danh mục các dự án/công trình thực hiện thuộc nguồn vốn đầu tư công do bộ ngành sử dụng.
- Thời gian cung cấp thông tin: Quy định tại từng biểu mẫu báo cáo.

b) Thông tin từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Nguồn thông tin: Hệ biểu thu thập thông tin phục vụ biên soạn GDP, GRDP quy định tại phụ lục II, Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là Nghị định số 62/2024/NĐ-CP).

- Nội dung thu thập thông tin:

- + Tình hình thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn.
- + Một số chỉ tiêu về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn.

- + Sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản chủ yếu trên địa bàn.
 - + Năng lực mới tăng của các dự án/công trình hoàn thành/dự kiến hoàn thành trong năm trên địa bàn.
 - + Doanh thu một số ngành thương mại và dịch vụ trên địa bàn.
 - Thời gian cung cấp thông tin: Quy định trong từng biểu mẫu.
- c) Thông tin từ Tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước
- Nguồn thông tin: Hệ biểu thu thập thông tin phục vụ biên soạn GDP, GRDP quy định tại phụ lục II, Nghị định số 62/2024/NĐ-CP.
 - Nội dung thu thập thông tin:
 - + Một số chỉ tiêu về tình hình sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân đội Viettel, Tổng công ty Viễn thông Mobiphone, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Tổng công ty Hàng không Việt Nam, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, Tổng công ty Cổ phần bưu chính Viettel, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Than, Khoáng sản Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
 - + Doanh thu lĩnh vực thông tin truyền thông theo tỉnh, thành phố của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân đội Viettel, Tổng công ty Viễn thông Mobiphone.
 - Thời gian cung cấp thông tin: Quy định trong từng biểu mẫu.
 - Cơ quan cung cấp thông tin: Quy định tại biểu mẫu của Phụ lục II Nghị định số 62/2024/NĐ-CP.
- d) Thông tin từ dữ liệu hành chính
- Nguồn thông tin: Dữ liệu hành chính
 - Nội dung thu thập thông tin:
 - + Một số thông tin thuộc dữ liệu quản lý thuế của Tổng cục Thuế.
 - + Một số thông tin về tình hình xuất, nhập khẩu của Tổng cục Hải quan.
 - + Một số thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh theo ngành, lĩnh vực của các cơ quan.
 - Cơ quan cung cấp thông tin: Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, một số Bộ, ngành, cơ quan liên quan.
- đ) Thông tin từ chế độ báo cáo thống kê Ngành Thống kê

- Nguồn thông tin: Biểu mẫu báo cáo quy định tại Thông tư /2024/TT-BKHĐT ngày ... tháng ... năm 2024 quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê.

- Nội dung thu thập thông tin:

+ Số liệu ước tính, sơ bộ, chính thức thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn.

+ Số liệu ước tính, sơ bộ, chính thức một số chỉ tiêu về tiền tệ, ngân hàng; hoạt động kinh doanh xổ số và bảo hiểm xã hội.

+ Số liệu ước tính, sơ bộ, chính thức sản lượng sản phẩm và dịch vụ nông, lâm nghiệp, thủy sản.

- Thời gian cung cấp thông tin: Quy định trong từng biểu mẫu.

- Cơ quan cung cấp thông tin: Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 6. Tính các chỉ tiêu phục vụ biên soạn số liệu GDP, GRDP

1. Tổng cục Thống kê tính các chỉ tiêu gồm: Tích lũy tài sản; tiêu dùng cuối cùng; trị giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; trị giá dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu; giá trị sản xuất; chi phí trung gian; hệ thống chỉ số giá.

2. Thời gian hoàn thành tính các chỉ tiêu trên quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

Điều 7. Biên soạn số liệu GDP, GRDP

Bộ kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) thực hiện biên soạn:

1. Số liệu GDP

a) Biên soạn theo phương pháp sản xuất và phương pháp sử dụng từ các chỉ tiêu đầu vào được quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

b) Cân đối số liệu GDP theo phương pháp sản xuất và phương pháp sử dụng; cân đối số liệu GDP và số liệu GRDP.

c) Kiểm tra tính phù hợp, logic, tương thích giữa số liệu GDP và các số liệu vĩ mô khác có liên quan.

d) Biên soạn theo phương pháp thu nhập định kỳ 5 năm dựa vào bảng cân đối liên ngành.

2. Số liệu GRDP

a) Biên soạn từ các chỉ tiêu đầu vào được quy định tại Phụ lục II của Thông tư này, gửi Cục Thống kê lấy ý kiến góp ý.

b) Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương góp ý kết quả biên soạn GRDP.

c) Tổng cục Thống kê tổng hợp, cập nhật, giải trình thông tin đầu vào; hoàn thiện kết quả biên soạn GRDP và thông báo kết quả biên soạn GRDP tới Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

d) Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với sở, ngành địa phương hoàn thiện báo cáo giải trình kết quả biên soạn số liệu GRDP và công bố kết quả theo quy định.

3. Thời gian hoàn thành biên soạn số liệu GDP, GRDP quy định tại Phụ lục III, Phụ lục IV của Thông tư này.

Điều 8. Rà soát, đánh giá lại GDP, GRDP

1. Định kỳ hằng năm, Tổng cục Thống kê thực hiện rà soát số liệu GDP, GRDP theo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm tại kỳ chính thức năm.

2. Định kỳ 5 năm, Tổng cục Thống kê thực hiện rà soát, đánh giá lại quy mô GDP, GRDP.

a) Cơ sở thực hiện rà soát, đánh giá lại quy mô GDP, GRDP định kỳ 5 năm bao gồm: Tổng điều tra kinh tế; thay đổi năm gốc mới, khung lý thuyết; phân loại thống kê.

b) Khi có kết quả chính thức của các cuộc Tổng điều tra kinh tế, Tổng cục Thống kê chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành địa phương rà soát quy mô GDP, GRDP của năm số liệu Tổng điều tra kinh tế; báo cáo Chính phủ kết quả nghiên cứu rà soát, đánh giá lại quy mô GDP, GRDP để trình Quốc hội xem xét, quyết định về việc thực hiện chính thức rà soát, đánh giá lại quy mô GDP, GRDP.

c) Rà soát, đánh giá lại quy mô GDP, GRDP theo quy trình quy định tại Khoản 3, Điều 11 của Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 9. Công bố, phổ biến số liệu GDP, GRDP

Số liệu GDP, GRDP được công bố theo quy định tại Điều 2, Nghị định số 62/2024/NĐ-CP.

1. Số liệu GDP

a) Kỳ ước tính, sơ bộ quý, năm: công bố số liệu GDP theo phương pháp sản

xuất, theo ngành kinh tế cấp 1; số liệu tốc độ tăng các cấu phần của GDP theo phương pháp sử dụng;

b) Kỳ chính thức quý: công bố số liệu GDP theo phương pháp sản xuất, theo ngành kinh tế cấp 1; số liệu GDP theo phương pháp sử dụng;

c) Kỳ chính thức năm: công bố số liệu GDP theo phương pháp sản xuất, theo ngành kinh tế cấp 1 và loại hình kinh tế; số liệu GDP theo phương pháp sử dụng;

2. Số liệu GRDP

a) Kỳ ước tính, sơ bộ quý, năm: công bố số liệu tốc độ tăng GRDP phân theo khu vực kinh tế;

b) Kỳ chính thức quý: công bố số liệu GRDP theo ngành kinh tế cấp 1;

c) Kỳ chính thức năm: công bố số liệu GRDP theo ngành kinh tế cấp 1, loại hình kinh tế.

Điều 10. Lưu trữ số liệu GDP, GRDP

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) số hóa, lưu trữ tập trung số liệu GDP, GRDP và số liệu các chỉ tiêu phục vụ biên soạn GDP, GRDP.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục Thống kê chủ trì hướng dẫn, triển khai thực hiện các công việc phục vụ biên soạn số liệu GDP, GRDP; rà soát, đánh giá lại quy mô GDP, GRDP và công bố số liệu GDP, GRDP.

2. Tổng cục Thống kê báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư hiện trạng chênh lệch giữa số liệu GDP, GRDP biên soạn hằng năm với số liệu GDP, GRDP biên soạn theo các cuộc Tổng điều tra kinh tế để trình Chính phủ, báo cáo Quốc hội xem xét ra quyết định thực hiện đánh giá lại GDP, GRDP.

3. Bộ, ngành và các cơ quan có liên quan:

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời và giải trình biến động của các thông tin phục vụ biên soạn số liệu GDP, GRDP cho Tổng cục Thống kê theo quy định trong Chế độ báo cáo thống kê quốc gia và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp.

b) Tăng cường chia sẻ thông tin với Tổng cục Thống kê; ký kết, thực hiện có hiệu quả quy chế trao đổi, chia sẻ thông tin giữa Tổng cục Thống kê với thống kê Bộ, ngành.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin trong kết nối, cung cấp, chia sẻ thông tin cho Tổng cục Thống kê.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chỉ đạo các sở, ngành phối hợp, cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác và giải trình biến động của các thông tin phục vụ biên soạn số liệu GRDP cho Tổng cục Thống kê theo hệ thống biểu mẫu quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 62/2024/NĐ-CP và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp.

b) Sử dụng thống nhất số liệu GRDP do Tổng cục Thống kê biên soạn và công bố trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin trong kết nối, cung cấp và chia sẻ thông tin từ sở, ban ngành cho cục Thống kê tỉnh, thành phố phục vụ biên soạn GDP, GRDP.

7. Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước

a) Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin phục vụ biên soạn GDP, GRDP theo quy định tại phụ lục II của Nghị định số 62/2024/NĐ-CP.

b) Giải trình các biến động của thông tin đã cung cấp.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Các UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ KHĐT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, TCTK (5).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

Phụ lục I**THỜI GIAN HOÀN THÀNH TÍNH CHỈ TIÊU PHỤC VỤ BIÊN SOẠN GDP***(Kèm theo Thông tư số / ngày tháng năm 2024 của Chính phủ)*

STT	Chỉ tiêu đầu vào phục vụ biên soạn GDP	Phục vụ biên soạn GDP	Thời gian hoàn thành (ngày...năm báo cáo)				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm
1	Hệ thống CSG	Ước tính	24/3	24/6	24/9	24/12	24/6 và 24/12
		Sơ bộ	24/6	24/9	24/12	24/3 năm kế tiếp	24/3 năm kế tiếp
		Chính thức	10/7 năm thứ 2 kế tiếp	10/7 năm thứ 2 kế tiếp	10/7 năm thứ 2 kế tiếp	10/7 năm thứ 2 kế tiếp	10/7 năm thứ 2 kế tiếp
2	Chi phí trung gian	Ước tính	25/3	25/6	25/9	25/12	22/6 và 22/12
		Sơ bộ	25/6	25/9	25/11	25/3 năm kế tiếp	25/3 năm kế tiếp
		Chính thức	15/7 năm thứ 2 kế tiếp	15/7 năm thứ 2 kế tiếp	15/7 năm thứ 2 kế tiếp	15/7 năm thứ 2 kế tiếp	15/7 năm thứ 2 kế tiếp
3	Giá trị sản xuất	Ước tính	01/4	01/7	01/10	30/12	30/6, 30/12
		Sơ bộ	01/7	01/10	30/12	01/4 năm kế tiếp	01/4 năm kế tiếp
		Chính thức	15/7 năm thứ 2 kế tiếp	15/7 năm thứ 2 kế tiếp	15/7 năm thứ 2 kế tiếp	15/7 năm thứ 2 kế tiếp	15/7 năm thứ 2 kế tiếp

STT	Chỉ tiêu đầu vào phục vụ biên soạn GDP	Phục vụ biên soạn GDP	Thời gian hoàn thành (ngày....năm báo cáo)				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm
4	Thuế sản phẩm, trợ cấp sản phẩm	Ước tính	03/4	03/7	03/10	03/1 năm sau năm báo cáo	28/6 và 03/1 năm sau năm báo cáo
		Sơ bộ	03/7	03/10	03/1 năm sau năm báo cáo	03/4 năm sau năm báo cáo	03/4 năm sau năm báo cáo
		Chính thức	15/7 năm thứ 2 kế tiếp	15/7 năm thứ 2 kế tiếp	15/7 năm thứ 2 kế tiếp	15/7 năm thứ 2 kế tiếp	15/7 năm thứ 2 kế tiếp
5	Tích lũy tài sản, tiêu dùng cuối cùng; Trị giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Trị giá dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu	Ước tính	03/4	03/7	03/10	03/1 năm sau năm báo cáo	03/1 năm sau năm báo cáo
		Sơ bộ	03/7	03/10	10/9	03/4 năm sau năm báo cáo	03/4 năm sau năm báo cáo
		Chính thức	15/8 năm thứ 2 kế tiếp	15/8 năm thứ 2 kế tiếp	15/8 năm thứ 2 kế tiếp	15/8 năm thứ 2 kế tiếp	15/8 năm thứ 2 kế tiếp

Phụ lục II**THỜI GIAN HOÀN THÀNH TÍNH CHỈ TIÊU PHỤC VỤ
BIÊN SOẠN GRDP***(Kèm theo Thông tư số / ngày tháng năm 2024 của Chính phủ)*

STT	Chỉ tiêu đầu vào phục vụ biên soạn GRDP	Phục vụ biên soạn GRDP	Thời gian hoàn thành (ngày....năm báo cáo)				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm
1	Hệ thống CSG	Ước tính	21/3	21/6	21/9	21/11	21/6 và 21/11
		Sơ bộ	22/6	22/9	22/11	22/3 năm kế tiếp	22/3 năm kế tiếp
		Chính thức	10/7 năm thứ 2 kế tiếp	10/7 năm thứ 2 kế tiếp	10/7 năm thứ 2 kế tiếp	10/7 năm thứ 2 kế tiếp	10/7 năm thứ 2 kế tiếp
2	Chi phí trung gian	Ước tính	25/3	25/6	25/9	25/11	22/6 và 22/11
		Sơ bộ	25/6	25/9	25/11	25/3 năm kế tiếp	25/3 năm kế tiếp
		Chính thức	15/7 năm thứ 2 kế tiếp	15/7 năm thứ 2 kế tiếp	15/7 năm thứ 2 kế tiếp	15/7 năm thứ 2 kế tiếp	15/7 năm thứ 2 kế tiếp
3	Giá trị sản xuất	Ước tính	25/3	25/6	25/9	25/11	25/6, 25/11
		Sơ bộ	25/6	25/9	25/11	25/3 năm kế tiếp	25/3 năm kế tiếp
		Chính thức	15/7 năm thứ 2 kế tiếp	15/7 năm thứ 2 kế tiếp	15/7 năm thứ 2 kế tiếp	15/7 năm thứ 2 kế tiếp	15/7 năm thứ 2 kế tiếp

STT	Chỉ tiêu đầu vào phục vụ biên soạn GRDP	Phục vụ biên soạn GRDP	Thời gian hoàn thành (ngày....năm báo cáo)				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm
4	Thuế sản phẩm, trợ cấp sản phẩm	Ước tính	28/3	28/6	28/9	28/11	28/6 và 28/11
		Sơ bộ	28/6	28/9	28/11	28/3 năm sau năm báo cáo	28/3 năm sau năm báo cáo
		Chính thức	15/7 năm thứ 2 kế tiếp	15/7 năm thứ 2 kế tiếp	15/7 năm thứ 2 kế tiếp	15/7 năm thứ 2 kế tiếp	15/7 năm thứ 2 kế tiếp

Phụ lục III

THỜI GIAN HOÀN THÀNH BIÊN SOẠN SỐ LIỆU GDP

(Kèm theo Thông tư số / ngày tháng năm 2024 của Chính phủ)

STT	Nội dung	Kỳ biên soạn	Thời gian hoàn thành (ngày....năm báo cáo)				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm
1	Rà soát, kiểm tra số liệu đầu vào	Ước tính	2/4	2/7	2/10	02/01 năm sau năm báo cáo	2/7 năm báo cáo và 02/01 năm sau năm báo cáo
		Sơ bộ	2/7	2/10	02/01 năm sau năm báo cáo	02/4 năm sau năm báo cáo	02/4 năm sau năm báo cáo
		Chính thức	5/8 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	5/8 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	5/8 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	5/8 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	5/8 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo
2	Biên soạn GDP	Ước tính	04/4	04/7	04/10	04/01 năm sau năm báo cáo	04/01 năm sau năm báo cáo
		Sơ bộ	04/7	04/10	04/01 năm sau năm báo cáo	04/4 năm sau năm báo cáo	04/4 năm sau năm báo cáo
		Chính thức	04/9 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	04/9 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	04/9 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	04/9 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	04/9 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo

STT	Nội dung	Kỳ biên soạn	Thời gian hoàn thành (ngày....năm báo cáo)				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm
3	Trình Lãnh đạo Tổng cục kết quả biên soạn	Ước tính	05/4	05/7	05/10	05/1 năm sau năm báo cáo	05/1 năm sau năm báo cáo
		Sơ bộ	05/7	05/10	05/1 năm sau năm báo cáo	05/4 năm sau năm báo cáo	05/4 năm sau năm báo cáo
		Chính thức	05/9 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	05/9 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	05/9 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	05/9 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	05/9 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo
4	Hoàn thiện kết quả biên soạn và công bố số liệu	Ước tính	06/4	06/7	06/10	06/1 năm sau năm báo cáo	06/1 năm sau năm báo cáo
		Sơ bộ	06/7	06/10	06/1 năm sau năm báo cáo	06/4 năm sau năm báo cáo	06/4 năm sau năm báo cáo
		Chính thức	06/10 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	06/10 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	06/10 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	06/10 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	06/10 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo

Phụ lục IV

THỜI GIAN HOÀN THÀNH BIÊN SOẠN SỐ LIỆU GRDP

(Kèm theo Thông tư số / ngày tháng năm 2024 của Chính phủ)

STT	Nội dung	Kỳ biên soạn	Thời gian hoàn thành (ngày....năm báo cáo)				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm
1	Rà soát, kiểm tra số liệu đầu vào	Ước tính	26/3	26/6	26/9	26/11	26/11
		Sơ bộ	26/6	26/9	26/11	26/3 năm sau năm báo cáo	26/3 năm sau năm báo cáo
		Chính thức	5/8 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	5/8 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	5/8 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	5/8 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	5/8 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo
2	Biên soạn GRDP	Ước tính	27/3	27/6	27/9	27/11	27/11
		Sơ bộ	27/6	27/9	27/11	27/3 năm sau năm báo cáo	27/3 năm sau năm báo cáo
		Chính thức	04/9 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	04/9 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	04/9 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	04/9 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	04/9 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo
3	Trình Lãnh đạo Tổng cục kết quả	Ước tính	30/3	30/6	30/9	30/11	30/11
		Sơ bộ	30/6	30/9	30/11	30/3 năm sau năm báo cáo	30/3 năm sau năm báo cáo

STT	Nội dung	Kỳ biên soạn	Thời gian hoàn thành (ngày....năm báo cáo)				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm
	biên soạn	Chính thức	05/9 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	05/9 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	05/9 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	05/9 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	05/9 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo
4	Hoàn thiện kết quả biên soạn và công bố số liệu	Ước tính	01/4	01/7	01/10	01/12	01/4
		Sơ bộ	01/7	01/10	01/12	01/4 năm sau năm báo cáo	01/4 năm sau năm báo cáo
		Chính thức	06/10 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	06/10 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	06/10 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	06/10 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo	06/10 năm thứ 2 kế tiếp năm báo cáo

DANH SÁCH CƠ QUAN LẤY Ý KIẾN

Về Dự thảo Thông tư Hướng dẫn quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

	Tên cơ quan	Số lượng
	Tổng số	125
I	Bộ, ngành cơ quan trung ương	51
1	Bộ Tài Chính	1
2	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Hỗ trợ lãi suất của các NHTM)	1
3	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1
4	Bộ Thông tin và Truyền thông	1
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Văn phòng Bộ)	1
6	Bộ Công Thương	1
7	Bộ Giao Thông Vận Tải	1
8	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	1
9	Bộ Nội vụ	1
10	Bộ Tài nguyên và Môi trường	1
11	Bộ Xây Dựng	1
12	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1
13	Bộ Khoa học và Công nghệ	1
14	Bộ Ngoại giao	1
15	Bộ Tư pháp	1
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1
17	Bộ Y tế	1
18	Ủy ban Dân tộc	1
19	Thanh tra Chính phủ	1
20	Văn phòng Chính phủ	1
21	Bộ Quốc phòng	1
22	Bộ Công an	1
23	Ngân hàng Chính sách xã hội	1
24	Ngân hàng phát triển	1
25	Viện Khoa học công nghệ Việt Nam	1
26	Viện KSND tối cao	1
27	Toà án nhân dân tối cao	1
28	Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	1
29	Học viện Chính trị - Hành chính QG HCM	1
30	BQL Làng VHDL các dân tộc VN	1
31	Đài Tiếng nói Việt Nam	1
32	BQL KCNC Hoà Lạc	1
33	Đài Truyền hình VN	1
34	Liên minh HTX VN	1
35	Hội Liên hiệp phụ nữ VN	1
36	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch HCM	1
37	Văn phòng Chính phủ	1
38	Thông tấn xã VN	1
39	Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam	1

	Tên cơ quan	Số lượng
40	Tổng liên đoàn LĐVN	1
41	Kiểm toán nhà nước	1
42	Tổng công ty thuốc lá	1
43	Hội Nông dân VN	1
44	Viện Khoa học xã hội Việt Nam	1
45	Liên Hiệp các hội Văn học Nghệ thuật VN	1
46	Văn phòng Quốc hội	1
47	Hội Nhà văn	1
48	Hội Luật gia	1
49	Hội Nhà báo VN	1
50	Đại học Quốc gia Hà Nội	1
51	Đại học Quốc gia TP HCM	1
II	Ủy ban Nhân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	63
III.	Tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước	11
52	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	1
53	Tập đoàn CN-VT Quân đội Viettel	1
54	Tổng Công ty Viễn thông Mobiphone	1
55	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1
56	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	1
57	Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	1
58	Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	1
59	Tổng Công ty cổ phần Bưu chính Viettel	1
60	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1
61	Tập đoàn Than, Khoáng sản Việt Nam	1
62	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1